

## **MỤC LỤC**

<b>STT</b>	<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>1</b>	<i>A. Mở đầu</i>	<b>1</b>
<b>2</b>	<i>Lý do chọn đề tài</i>	<b>1</b>
<b>3</b>	<i>Đối tượng nghiên cứu</i>	<b>2</b>
<b>4</b>	<i>Phạm vi nghiên cứu</i>	<b>2</b>
<b>5</b>	<i>Phương pháp nghiên cứu</i>	<b>3</b>
<b>6</b>	<i>B. Quá trình thực hiện đề tài</i>	<b>3</b>
<b>7</b>	<i>1. Cơ sở lý luận</i>	<b>3</b>
<b>8</b>	<i>2. Cơ sở thực tiễn</i>	<b>4</b>
<b>9</b>	<i>3. Các giải pháp thực hiện</i>	<b>5</b>
<b>10</b>	<i>3.1 Đặc điểm môn Ngữ văn và PP dạy học NV</i>	<b>5</b>
<b>11</b>	<i>3.2 Cách sử dụng BĐTD vào giảng dạy NV</i>	<b>7</b>
<b>12</b>	<i>3.3 Tác dụng của BĐTD</i>	<b>10</b>
<b>13</b>	<i>3.4 Hiệu quả Sử dụng của BĐTD trong dạy học NV</i>	<b>11</b>
<b>14</b>	<i>3.5 Minh chứng cụ thể</i>	<b>12</b>
<b>15</b>	<i>4. Kết quả</i>	<b>30</b>
<b>16</b>	<i>C. Kết luận</i>	<b>31</b>
<b>17</b>	<i>D. Đề nghị</i>	<b>32</b>
<b>18</b>	<i>Tài liệu tham khảo</i>	<b>33</b>

# **NỘI DUNG ĐỀ TÀI :**

## **“ỨNG DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY VÀO DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN THCS”**

### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

#### **1. Lý do chọn đề tài:**

Ngữ văn là một môn học có vai trò quan trọng trong việc trau dồi tư tưởng, tình cảm cho học sinh. Thông qua bộ môn cùng với sự truyền thụ của người thầy, các em sẽ lĩnh hội được nhiều cái hay, cái đẹp ở mỗi tác phẩm văn học .

Để học sinh cảm nhận được cái hay, cái đẹp ấy thì người giáo viên phải lựa chọn cho mình một cách truyền thụ sao cho có hiệu quả nhất. Theo quan điểm đổi mới phương pháp dạy và học hiện nay, học sinh là trung tâm, là đối tượng chủ yếu của các hoạt động dạy và học, giáo viên là người thiết kế, hướng dẫn, gợi mở để các em tự trao đổi, thảo luận để đưa ra những ý kiến trong giờ học, tự bày tỏ các cách hiểu, cách cảm về tác phẩm nên trong giờ học việc ghi bảng không còn là việc chủ yếu. Giáo viên chỉ còn việc lắng nghe, chốt lại những kiến thức quan trọng theo chuẩn kiến thức cần đạt .

Trong xu thế dạy học ngày nay, thực hiện dạy học ngữ văn theo phương pháp hiện đại , người ta nghĩ ngay đến việc ứng dụng công nghệ dạy học. Hiểu một cách tổng quát, công nghệ dạy học là những quy trình kĩ thuật trong dạy học. Kĩ thuật hiểu theo nghĩa công nghệ máy móc và thiết bị kĩ thuật, đồng thời kĩ thuật cũng được hiểu là những chiến lược dạy học nhằm khởi động tối đa nội lực của người học, giúp họ phát triển đạt tới giá trị chân- thiện- mỹ trong cuộc sống. Thế kỉ XXI, công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ và đi vào mọi lĩnh vực của đời sống. Đặc biệt trong những năm gần đây, vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy đã được đặt ra một cách cấp thiết cùng với việc đổi mới nội dung chương trình sách giáo khoa nhằm phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo của các em học sinh. Một trong

những yếu tố quan trọng để đổi mới phương pháp giảng dạy là phương tiện dạy học, trong đó công nghệ thông tin là một trong những phương tiện tiện ích. Chính vì vậy mà vấn đề đổi mới dạy học môn Ngữ Văn luôn được các nhà khoa học quan tâm, nghiên cứu. Nhiều phương pháp, biện pháp mới liên tục được đưa ra dù có khác nhau nhưng đều thống nhất khẳng định vai trò của người học không phải là những bình chứa thụ động mà là những chủ thể nhận thức tích cực trong quá trình học tập. Như vậy dạy Văn là dạy cách tư duy, dạy cách đi tìm và tự chiếm lĩnh lấy kiến thức, cho nên việc khơi dậy, phát triển ý thức, ý chí, năng lực, bồi dưỡng, rèn luyện phương pháp tự học là con đường phát triển tối ưu của giáo dục điều đó được coi là một định hướng quan trọng hiện nay.

Các hình thức dạy học như dạy học đồng loạt, dạy học theo nhóm, dạy học cá nhân cũng có đổi mới trong môi trường công nghệ thông tin và truyền thông. Nếu trước kia người ta nhấn mạnh tới phương pháp dạy học sao cho học sinh dễ hiểu, nhớ lâu thì nay phải đặt trọng tâm là hình thành và phát triển cho học sinh các phương pháp học chủ động.

Tôi đã ứng dụng phương pháp dạy học bằng cách sử dụng đồng thời *hình ảnh, đường nét, màu sắc, chữ viết*, với sự *tư duy* tích cực không chỉ tạo hứng thú cho học tập của học sinh mà còn góp phần đổi mới và làm phong phú các phương pháp giáo dục. Đó là lý do tôi chọn đề tài: ***“Ứng dụng bản đồ tư duy trong giảng dạy Ngữ Văn THCS”***

## ***2. Đối tượng nghiên cứu***

- Nội dung chương trình SGK
- Đối tượng là học sinh lớp 6,7,8,9 trường sở tại.

## ***3. Phạm vi nghiên cứu :***

- Cách sử dụng phương tiện dạy học trong giờ học Ngữ văn THCS.

- Khả năng cảm nhận, tổng hợp, vận dụng kiến thức của học sinh sau giờ học Ngữ văn.

#### **4/ Phương pháp nghiên cứu:**

- Nghiên cứu tài liệu:

+ Sách giáo khoa Ngữ văn 6,7,8,9

+ Sách giáo viên Ngữ văn.

+ Thiết kế bài giảng Ngữ văn.

+ Một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy- học ở trường THCS.

+ Bài tập trắc nghiệm Ngữ văn

+ Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên 6,7,8,9 các chu kì.

- Điều tra mức độ nhận thức, tiếp thu, cảm thụ tác phẩm văn học của học sinh sau các tiết dạy.

- Rút kinh nghiệm qua các giờ dạy từ bản thân và từ các đồng nghiệp dự giờ.

- Thống kê, đối chiếu kết quả so với khảo sát chất lượng đầu năm, giữa học kì, cuối học kì.

- Tham khảo ý kiến với tổ chuyên môn, bộ phận chuyên môn của trường về nội dung của đề tài.

### **B QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

#### **1.CƠ SỞ LÝ LUẬN**

- Thực hiện qui chế thiết bị giáo dục ban hành theo quyết định số 41/2000/QĐ/BGD&ĐT ngày 24 tháng 3 năm 2000 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo: “Thiết bị giáo dục phải được sử dụng có hiệu quả cao nhất, đáp ứng các yêu cầu về nội dung và phương pháp được qui định trong chương trình giáo dục” (Điều 102)

- Định hướng đổi mới phương pháp dạy và học của nghị quyết Trung ương 4 khóa VII đã được thể chế hóa trong luật giáo dục: “Phương pháp giáo dục phổ thông phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù

hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học, bồi dưỡng phương pháp tự học, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh” (Điều 24 khoản 2). Có thể nói, cốt lõi của đổi mới dạy và học là hướng tới hoạt động học tập chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động, học chay, học tủ của người học.

- Thực hiện tinh thần đổi mới đó, bộ môn Ngữ Văn đã không ngừng chú trọng cải tiến phương pháp dạy - học, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong việc chiếm lĩnh kiến thức. Để tránh **thói quen dạy - học “cũ”** không cách nào khác là phải từng bước thay đổi bằng **phương pháp dạy - học mới**. Trong đó, việc sử dụng có hiệu quả, các phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học có ảnh hưởng rất quan trọng đến khả năng tiếp thu, nhận thức, tạo hứng thú học tập của học sinh.

## **2. CƠ SỞ THỰC TIỄN**

Qua nhiều năm giảng dạy Ngữ văn ở các lớp: 6,7,8,9- ở bài viết này tôi chỉ đề cập đến một vấn đề nhỏ trong giờ dạy văn ở trường THCS. Đó là “Cách tạo tình huống, ghi nhớ kiến thức. Trước đây, với cách học truyền thống đã khiến tư duy của nhiều em học sinh đi vào lối mòn, không kích thích được sự phát triển của trí não, điều đó làm cho một số em học sinh tuy rất chăm học nhưng sự tiếp thu vẫn rất ít vì không biết liên kết các kiến thức với nhau, không biết vận dụng những kiến thức đã học trước đó vào phần sau. Học sinh chỉ biết ghi mà không biết cách lưu thông tin sao cho khoa học, tự chủ, độc lập nhất (*nghe giảng thì không ghi được; ghi thì không nghe được; sắp xếp lộn xộn; ghi xong quên ngay, khi trả bài hoặc làm kiểm tra thì hỏi thầy ơi nó ở phần nào, mục mấy ?...*)

- Xuất phát từ tình hình thực tế qua nhiều năm giảng dạy tôi thấy việc lưu nhớ thông tin của học sinh hiện nay vẫn còn nhiều mặt hạn chế. Cụ thể học sinh không

có thói quen tổng hợp kiến thức sau mỗi bài học, vốn từ nghèo nàn, câu sai cú pháp, diễn đạt rườm rà, tối nghĩa.

- Qua kinh nghiệm theo dõi tình hình thực tế trong nhiều năm tôi thấy có nhiều nguyên nhân chủ quan xen lẫn khách quan dẫn đến tình trạng học sinh lười tư duy. Trong đó đáng lưu ý là vai trò của học sinh- đối tượng học tập quá thụ động, chưa

chịu khó tìm tòi suy nghĩ, không “động não” trước những vấn đề cơ bản mà mình chưa lĩnh hội .

Sở dĩ học sinh học còn thụ động tiêu cực như vậy theo tôi nghĩ nguyên nhân sâu xa là do phương pháp dạy và cách truyền thụ của giáo viên đôi khi thầy cũng chưa thực sự thu hút học sinh .

Từ những vấn đề trên tôi xin nêu một số hướng giải quyết vấn đề và những kết quả cụ thể, qua một vài biện pháp chính nhằm thực hiện bài giảng ngữ văn một cách hiệu quả nhất trong những năm gần đây .

### **3. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **3.1 - Đặc điểm môn Ngữ văn và phương pháp dạy học Ngữ văn.**

Môn Ngữ văn gồm ba phân môn :Văn học, Tiếng Việt và Tập làm văn.Tuy có chung một mục đích giáo dục thẩm mỹ và rèn luyện cho học sinh và các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết, nhưng chúng có vị trí tương đối độc lập bởi nhưng mục tiêu riêng biệt của từng phân môn. Theo đó, ba phân môn lại có phương pháp dạy đặc thù riêng.

##### **Với phân môn Văn học:**

Trọng tâm là đọc- hiểu văn bản văn học. Giáo viên là người hướng dẫn và tổ chức để học sinh biết cách đọc tác phẩm, tìm ra cái hay, cái đẹp trong tư tưởng, tình cảm, cách thể hiện của người viết bằng chính nhận thức của các em.

##### **Với phân môn Tiếng Việt :**

Trước hết phải hình thành ở học sinh THCS năng lực sử dụng thành thạo tiếng Việt với 4 kỹ năng cơ bản nghe, nói, đọc, viết, qua đó mà rèn luyện tư duy. Giúp cho học sinh có những hiểu biết nhất định về tri thức tiếng Việt và ngôn ngữ (từ, câu, đoạn...) để có ý thức sử dụng Tiếng Việt, có ý thức giữ gìn bảo vệ, phát triển tiếng Việt góp phần hình thành nhân cách bồi dưỡng tư tưởng tình cảm.

**Với phân môn Tập làm văn:**

Môn Tập làm văn, chủ yếu mang tính thực hành, vận dụng những kiến thức văn học, tiếng Việt và đời sống xã hội để tạo lập văn bản (nói hoặc viết). Học sinh phải thực hiện tốt những bài làm văn nghệ thuật, nghị luận và nhật dụng. Trong khi làm văn, học sinh không chỉ là người thiết kế mà còn phải là người thi công, biết xây dựng kế hoạch, thực hiện và đánh giá kế hoạch.

Dưới đây là bản sơ lược những kiến thức Ngữ văn cơ bản được học ở cấp THCS theo chương trình giáo khoa hiện hành.

	Đọc hiểu văn bản	Tiếng Việt	Làm văn
Lớp			
Lớp 6	Truyện dân gian Truyện ngắn hiện đại Ký, Văn bản nhật dụng Thơ hiện đại	Từ Câu	Văn tự sự Văn miêu tả
Lớp 7	Truyện ngắn hiện đại Ca dao, tục ngữ Thơ trung đại Văn nghị luận	Từ Câu	Văn biểu cảm Văn nghị luận
Lớp 8	Truyện ngắn hiện đại Thơ cận đại, hiện đại, kịch...	Từ Câu Đoạn	Văn thuyết minh Văn bản tường trình

Lớp 9	Truyện trung đại; Truyện thơ, Kịch hiện đại; Văn bản nhật dụng	Từ Liên kết câu	Phân tích và tổng hợp Nghị luận văn học
----------	--	--------------------	--

Như vậy, nhìn qua việc hệ thống kiến thức trên, chúng ta thấy cũng như các môn học khác, môn Ngữ văn hoàn toàn có thể sử dụng bản đồ tư duy làm công cụ học bài. Dùng bản đồ tư duy làm công cụ giúp cho người học sơ đồ hoá toàn bộ kiến thức môn học, bài học môn Ngữ văn. Tuy nhiên, bản đồ tư duy có phải công cụ vạn năng? Bản đồ tư duy có thể vận dụng trong mọi trường hợp? Với giáo viên, bản đồ tư duy có thể dùng để soạn bài? Với học sinh, có thể ghi bài theo bản đồ tư duy? ... đó là những câu hỏi mà người học đều phải tìm lấy câu trả lời riêng cho mình...

### **3.2 - Cách sử dụng bản đồ tư duy vào giảng dạy Ngữ Văn**

#### **3.2.1 Đặc điểm của bản đồ tư duy**

Từ trước tới nay, chúng ta thường ghi chép thông tin bằng các ký tự, đường thẳng, con số theo trật tự tuyến tính. Nghĩa là chúng ta mới chỉ sử dụng ½ bộ não- não trái mà chưa sử dụng kỹ năng nào bên não phải – nơi giúp chúng ta xử lý các thông tin về nhịp điệu, màu sắc, không gian và sự mơ mộng.

Các nhà khoa học chỉ ra rằng bộ não của con người gồm 2 bán cầu: não phải và não trái. Não phải nhạy cảm với các thông tin về màu sắc, nhịp điệu, hình dạng, tưởng tượng.... những yếu tố đó sẽ tác động, kích thích não trái. Não trái thích hợp với các từ ngữ, con số, tư duy và phân tích cho ra sản phẩm. Do đó người ta tìm cách kích thích não phải tốt nhất và khi hai bán cầu não có sự tương tác, tác động, kích thích lẫn nhau nó sẽ đem đến cho con người khả năng to lớn.

Dựa trên những đặc điểm đó của não bộ, Tony Buzan đã sáng tạo ra bản đồ tư duy theo nguyên lý hoạt động của bộ não. Bản đồ tư duy không những sử dụng chữ, số, các dòng kẻ mà còn có thể sử dụng cả màu sắc và hình ảnh. Các dòng kẻ,



chuỗi, chữ, số, và các danh sách được xử lý bằng chức năng thần kinh của não trái. Đây là bán cầu não được sử dụng cho các công việc bình thường. Do đó khi sử dụng nó, tư duy sáng tạo của con người bị giới hạn. Để thực sự trở nên sáng tạo, chúng cần sử dụng trí tưởng tượng - chức năng hoạt động của bán cầu não phải như sự tri giác màu sắc, hình ảnh, nhịp điệu, không gian.

Với đặc điểm trên, bản đồ tư duy kết hợp hoạt động của hai bán cầu não trái và não phải. Điều này giải thích vì sao chúng ta có thể phát huy toàn bộ mọi khả năng tư duy của mình khi sử dụng bản đồ tư duy. Như vậy bản đồ tư duy là một công cụ hỗ trợ tư duy hiện đại, một kỹ năng sử dụng bộ não rất mới mẻ. Đó là một kỹ thuật hình họa, một dạng sơ đồ kết hợp giữa từ ngữ, hình ảnh, đường nét, màu sắc phù hợp, tương thích với cấu trúc, hoạt động của bộ não.

Sử dụng bản đồ tư duy góp phần đổi mới PPDH các môn học, vận dụng vào dạy học kiến thức mới hoặc hệ thống hoá kiến thức một chủ đề, một bài, một chương, giúp học sinh ghi nhớ, ôn tập, liên kết mạch lạc kiến thức đã học

### ***3.2.2 Nguyên lí hoạt động.***

Nguyên tắc hoạt động của bản đồ tư duy đúng theo nguyên tắc liên tưởng : ***“ý này gọi ý kia”*** của bộ não. Ở vị trí trung tâm của bản đồ là một hình ảnh hay một từ khóa thể hiện một ý tưởng hay một khái niệm chủ đạo. Ý trung tâm đó được nối với các hình ảnh hay từ khóa cấp 1 bằng các nhánh chính. Từ các nhánh chính đó lại có sự phân nhánh đến các từ khóa cấp 2 để nghiên cứu sâu hơn. Cứ thế sự phân nhánh cứ tiếp tục và các khái niệm hay hình ảnh luôn được nối kết với nhau. Chính sự liên kết này tạo ra một bức tranh tổng thể mô tả về ý trung tâm một cách đầy đủ, rõ ràng.

Bản đồ tư duy là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc, hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng. Bản đồ tư duy có cấu tạo như một cái cây có nhiều nhánh lớn, nhỏ mọc xung quanh. ***“Cái cây”*** ở giữa bản đồ là một ý tưởng chính hay hình ảnh

trung tâm. Nối với nó là các nhánh lớn thể hiện các vấn đề liên quan với ý tưởng chính. Các nhánh lớn sẽ được phân thành nhiều nhánh nhỏ, rồi nhánh nhỏ hơn, nhánh nhỏ hơn nữa nhằm thể hiện chủ đề ở mức độ sâu hơn. Sự phân nhánh cứ thế tiếp tục và các kiến thức, hình ảnh luôn được nối kết với nhau. Sự liên kết này tạo ra một “**bức tranh tổng thể**” mô tả ý tưởng trung tâm một cách đầy đủ và rõ ràng.

### **3.2.3 Phương thức tạo lập**

#### **Bước 1:**

- Vẽ chủ đề ở trung tâm trên một mảnh giấy (đặt nằm ngang). Người vẽ sẽ bắt đầu từ trung tâm với hình ảnh của chủ đề. Hình ảnh có thể thay thế cho cả ngàn từ và giúp chúng ta sử dụng tốt hơn trí tưởng tượng của mình. Sau đó có thể bổ sung từ ngữ vào hình vẽ chủ đề nếu chủ đề không rõ ràng.

- Nên sử dụng màu sắc vì màu sắc có tác dụng kích thích não như hình ảnh.

+ Có thể dùng từ khóa, kí hiệu, câu danh ngôn, câu nói nào đó gợi ấn tượng sâu sắc về chủ đề.

#### **Bước 2:** Vẽ thêm các tiêu đề phụ vào chủ đề trung tâm

+ Tiêu đề phụ có thể viết bằng chữ in hoa nằm trên các nhánh to để làm nổi bật.

+ Tiêu đề phụ được gắn với trung tâm.

+ Tiêu đề phụ nên được vẽ chéo góc để nhiều nhánh phụ khác có thể được vẽ tỏa ra một cách dễ dàng.

#### **Bước 3:**

- Trong từng tiêu đề phụ vẽ thêm các ý chính và các chi tiết hỗ trợ

+ Khi vẽ các ý chính và các chi tiết hỗ trợ chỉ nên tận dụng các từ khóa và hình ảnh.

+ Nên dùng những biểu tượng, cách viết tắt để tiết kiệm không gian vẽ và thời gian.

+ Mỗi từ khóa, hình ảnh nên được vẽ trên một đoạn gấp khúc riêng trên nhánh. Trên mỗi khúc nên chỉ có tối đa một từ khóa.

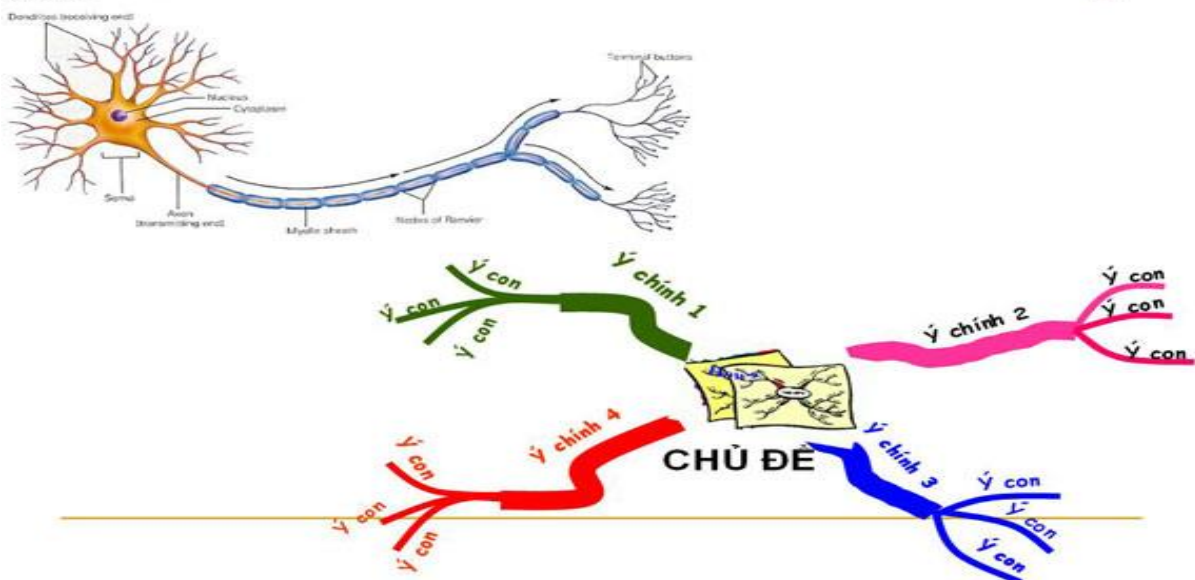
+ Sau đó nối các nhánh chính cấp 1 đến hình ảnh trung tâm, nối các nhánh cấp 2 đến các nhánh cấp 1, nối các nhánh cấp 3 đến các nhánh cấp 2...bằng đường kẻ. Các đường kẻ càng ở gần trung tâm thì càng được tô đậm hơn.

+ Nên dùng các đường kẻ cong thay vì các đường kẻ thẳng vì đường kẻ cong được tổ chức rõ ràng sẽ thu hút được sự chú ý của mắt nhiều hơn.

+ Tất cả các nhánh tỏa ra cùng một điểm nên có cùng một màu. Chúng ta thay đổi màu sắc khi đi từ ý chính ra đến các ý phụ cụ thể hơn.

#### **Bước 4:**

- Người viết có thể thêm nhiều hình ảnh nhằm giúp các ý quan trọng thêm nổi bật cũng như giúp lưu chúng vào trí nhớ tốt hơn.



### 3.3 - Tác dụng của bản đồ tư duy:

- Tiết kiệm thời gian, công sức.
- Cung cấp bức tranh tổng thể.
- Tổ chức và phân loại suy nghĩ.
- Ghi nhớ tốt hơn.

- Kích thích tiềm năng sáng tạo.
- Sử dụng rộng rãi, hiệu quả và dễ dàng ở nhiều lĩnh vực

⇒ **Bản đồ tư duy** là một công cụ giúp học tập hiệu quả thông qua việc vận dụng cả não phải và não trái giúp người học tiếp thu bài nhanh hơn, hiểu bài kỹ hơn, nhớ được nhiều chi tiết hơn. Tuy nhiên bản đồ tư duy không phải là một tác phẩm hội họa nên cần tránh rơi vào việc trang trí cầu kì, chau chuốt thay cho ghi chú (là mục đích chính khi sử dụng bản đồ tư duy).

## **4. HIỆU QUẢ SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC NGỮ VĂN:**

### **4.1. Sử dụng bản đồ tư duy như một công cụ để giúp học sinh chiếm lĩnh kiến thức tổng hợp về bài học :**

Với phương pháp sử dụng bản đồ tư duy trong giảng dạy từng bước giáo viên sẽ giúp học sinh tự mình phát hiện dần dần toàn bộ kiến thức bài học. Bắt đầu bằng những kiến thức tổng quát nhất - trọng tâm bài học- trung tâm bản đồ. Giáo viên giúp học sinh tái hiện những kiến thức lớn xoay quanh trọng tâm bài học, những ý nhỏ trong từng ý lớn cứ như vậy đến khi giờ học kết thúc cũng là lúc kiến thức tổng quát của bài học được trình bày một cách sáng tạo, sinh động trên bản đồ. Không những cung cấp cho học sinh kiến thức tổng thể, bản đồ tư duy còn giúp cho học sinh nhìn nhận đa chiều mọi mặt của vấn đề, từ đó đưa ra các ý tưởng mới, phát hiện mới, tìm ra sự liên kết, ràng buộc các ý tưởng trong bài tức tìm ra mạch logic của bài học. Sau khi hoàn thiện, học sinh nhìn vào bản đồ là có thể tái hiện, thuyết trình lại được toàn bộ nội dung kiến thức bài học. Đồng thời học sinh cũng có thể khẳng định được toàn bộ dung lượng kiến thức của bài, xác định ý chính, ý phụ và lên kế hoạch học tập hiệu quả.

### **4.2. Sử dụng bản đồ tư duy như một công cụ gợi mở, kích thích quá trình tìm kiếm kiến thức của học sinh:**

Với những ưu điểm của mình, bản đồ tư duy trở thành một công cụ gợi mở, kích thích quá trình tìm tòi kiến thức của học sinh. Bước quan trọng nhất là giáo viên giúp học sinh phát hiện, tìm kiếm được trung tâm bản đồ - trọng tâm bài học. Sau đó theo nguyên lí bản đồ tư duy là ý nọ gợi ý kia dần dần giúp học sinh khám phá kiến thức bài học. Bằng trí tưởng tượng cùng sự tập hợp kiến thức từ các nguồn, học sinh phải biết cách phân tích tìm ra những từ khóa, hình ảnh chính xác nhất. Khi các nhánh lớn được xây dựng giáo viên cũng nên hướng dẫn học sinh sắp xếp theo thứ tự quan trọng bằng cách đánh số ở đầu mỗi nhánh. Điều đó giúp học sinh dễ dàng ôn tập sau này. Cứ làm việc theo cách đó học sinh sẽ biết cách tự mình vận động, tìm tòi khám phá, lĩnh hội tri thức một cách có hiệu quả.

#### **4.3. Sử dụng bản đồ tư duy như một công cụ để củng cố, khái quát bài học của học sinh:**

Sau mỗi tiết học bao giờ cũng có phần củng cố, nhắc lại kiến thức trọng tâm. Với cách học truyền thống, học sinh ghi chép và thực hiện kiến thức theo trật tự tuyến tính nên khả năng nhớ kiến thức thường ít hơn < 50% dung lượng bài. Sử dụng bản đồ tư duy giúp các em khắc phục được hạn chế đó. Sau mỗi giờ học, khi cần củng cố kiến thức học sinh chỉ cần nhìn vào bản đồ tư duy có thể tái hiện được 80%-90% kiến thức bài học. Đến khi ôn thi học sinh không phải mất một lượng lớn thời gian để đọc lại kiến thức như cách học truyền thống mà chỉ cần quan sát lại sơ đồ tổng thể vẫn có thể tái hiện nội dung bài học một cách cụ thể, chi tiết. Như thế học sinh vừa nâng cao được kết quả học tập vừa tiết kiệm được thời gian.

Trong giảng dạy Văn học không có phương pháp, biện pháp nào là độc tôn, là vạn năng cả. Người dạy cần kết hợp các phương pháp, biện pháp một cách linh hoạt và sinh động để gây hứng thú cho học sinh và nâng cao hiệu quả giờ dạy.

#### **5. MINH CHỨNG CỤ THỂ:**

Sau một thời gian dạy thử nghiệm, tôi có một số kinh nghiệm trong việc sử dụng BĐTD như sau:

- Kết hợp với thảo luận nhóm: cho học sinh thảo luận theo từng nhóm cuối tiết học để các em tự xâu chuỗi các kiến thức cơ bản cần nắm vững của bài học.

- Cho học sinh đọc, nghiên cứu, tóm tắt, trình bày bài mới bằng BĐTD.

- Sử dụng BĐTD để khai thác bài Ngữ văn (Tuy nhiên không nên sử dụng cho tất cả các bài).

- Sử dụng trong việc ôn tập, hệ thống, củng cố, kiểm tra kiến thức.

Sau khi ứng dụng ***bản đồ tư duy*** vào một số trường hợp trên tôi thấy các em tích cực, chủ động hơn, rèn được khả năng tư duy, phán đoán, tự học. Các em tiếp thu bài mới được nhẹ nhàng hơn, dễ hiểu, dễ nhớ.

**Ví dụ 1:** Khi dạy bài “ So sánh”( Tiết 78- Tiếng Việt lớp 6) tôi cho học sinh củng cố kiến thức bằng từ chìa khoá “ ***SO SÁNH***” rồi yêu cầu học sinh vẽ bản đồ tư duy bằng cách đặt câu hỏi gợi ý cho các em để các em vẽ

- Nhánh 1: Qua ví dụ em hiểu thế nào là phép tu từ so sánh? (Khái niệm)

- Nhánh 2: So sánh có tác dụng như thế nào? (Tác dụng)

- Nhánh 3: Cấu tạo của biện pháp này là gì? (Cấu tạo)

- Nhánh 4: Có mấy kiểu so sánh đã học? (Phân loại)

Sau đó cho học sinh thảo luận nhóm (khái niệm về phép tu từ so sánh. Tác dụng, cấu tạo và phân loại) để vẽ tiếp các nhánh con và bổ sung dần các ý nhỏ (nhánh con cấp 2,3...) Sau khi các nhóm vẽ xong cử đại diện lên trình bày trước lớp để các nhóm khác bổ sung, giáo viên kết luận qua đó giúp các em tự chiếm lĩnh kiến thức một cách nhẹ nhàng, tự nhiên nhưng lại rất hiệu quả, đồng thời kích thích hứng thú học tập của học sinh. Qua hoạt động này vừa biết rõ việc hiểu kiến thức của các em vừa là một cách rèn cho các em khả năng thuyết trình trước tập thể.



## SO SÁNH – TIẾT 78 NV 6

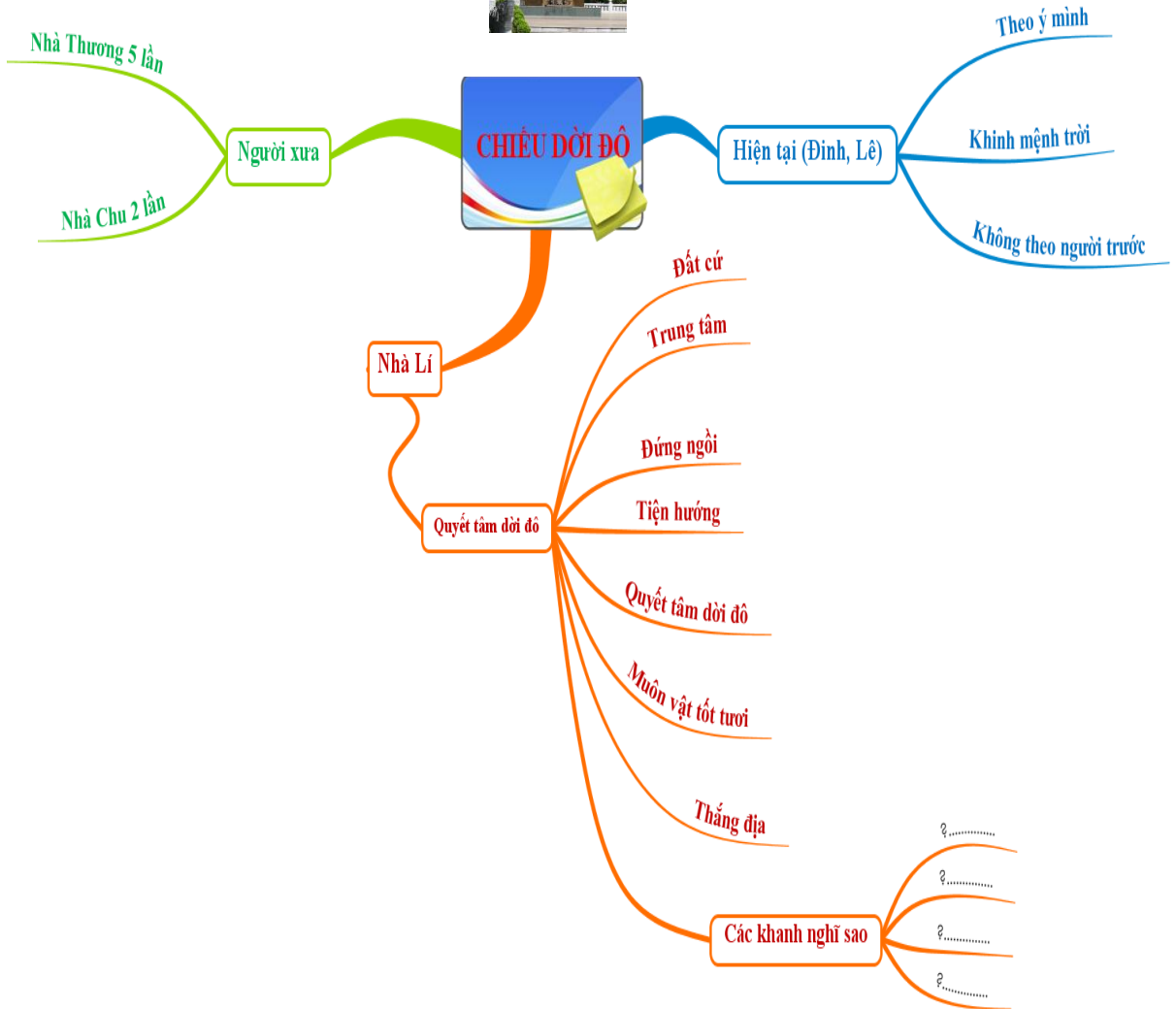
### *Ví dụ 2 :*

Khi cho học sinh đọc hiểu văn bản Tiết 90 – Ngữ văn 8 “*Chiếu dời đô*” tôi cho học sinh tự sáng tạo, vẽ theo sự nhận thức về nội dung bài học thông qua từ khóa “Chiếu dời đô”, các em sẽ triển khai từng nhánh rất đa dạng và phong phú.

- **Nhánh 1:** Đọc đoạn một, các em sẽ dễ dàng nhận thấy tấm gương của người xưa khi quyết định dời đô.
- **Nhánh 2:** Các em sẽ thấy những hạn chế của Triều đại Đinh, Lê ...
- **Nhánh 3:** Các em sẽ thấy những ưu điểm của Đại La và việc dời đô của vua Lý Công Uẩn là vô cùng sáng suốt vừa thuận ý trời lại hợp lòng dân.

**BẢN ĐỒ TƯ DUY NGỮ VĂN**

Thái tử  
LÝ CÔNG UÂN



Để cụ thể hóa cho việc sử dụng các phương tiện, thiết bị, đồ dùng dạy học trong tiết dạy văn bản lớp 9, tôi xin trình bày cụ thể thông qua tiết 146 - “Rô-bin-xon ngoài đảo hoang” và một số bản đồ tư duy mà tôi cùng đồng nghiệp ở trường sở tại đã sử dụng trong quá trình dạy và học.



## Tiết 146

# RÔ-BIN-XƠN NGOÀI ĐẢO HOANG

(Trích “Rô-bin-xơn Cru-xô”)

Đe-ni-ơn Đì phô

## A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp học sinh:

### **I. Kiến thức**

#### **1. Nội dung**

- Hình dung được cuộc sống gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn một mình nơi hoang đảo bộc lộ gián tiếp qua bức chân dung tự họa của nhân vật.

#### **2. Nghệ thuật**

- Phân tích truyện, phân tích nhân vật.
- Đọc diễn cảm tác phẩm văn xuôi.

### **II. Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng đọc - hiểu một tác phẩm tự sự.
- Phân tích tác dụng của ngôi kể thứ nhất xưng "tôi".
- Cảm nhận vẻ đẹp hình tượng nhân vật trong tác phẩm.
- Tổng hợp kiến thức, nêu nhận xét, đánh giá...

### **III. Thái độ**

- Tinh thần lạc quan, dũng cảm, nghị lực vượt qua khó khăn thử thách trong cuộc sống.

**IV. Tích hợp liên môn:** Môn Lịch sử, môn Giáo dục công dân, môn Địa lí,...

### **V. Phát triển năng lực của học sinh**

- Năng lực giao tiếp Tiếng Việt (nghe, nói, đọc, viết)
- Năng lực hợp tác, phản biện
- Năng lực cảm thụ thẩm mỹ:
  - + Nhận ra được giá trị thẩm mỹ.
  - + Cảm nhận, rung động trước cái đẹp.
  - + Suy nghĩ hành vi theo cái đẹp, cái thiện.

## B. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Phân tích, bình giảng, đàm thoại

- Nêu vấn đề, tạo tình huống, thảo luận nhóm...

## C. SỰ CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

### 1. Giáo viên

- Thiết kế giáo án bằng phần mềm Powerpoint.
- Yêu cầu HS soạn bài, có kiểm tra đánh giá.

2. Học sinh: Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giáo viên.

## D. BÀI MỚI

### 1. *Hoạt động khởi động (Thời gian 2 phút)*

- Mục đích: Tạo tâm thế, kích thích sự tò mò.
- Phương pháp: Phát vấn.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chiếu hình ảnh.</li> <li>- <b>Hỏi:</b> Đây là ai? Em biết gì về nhân vật này?</li> <li>- Giới thiệu về Nick Vujicic</li> <li>- Dẫn vào bài mới.</li> </ul>	<p>Trả lời cá nhân</p> <p>Nghe</p>	

### 2. *Hoạt động hình thành kiến thức mới (Thời gian 40 phút)*

- Mục tiêu:

+ Học sinh hiểu và cảm nhận được bức chân dung tự họa của Rô-bin-xon.

+ Qua đó cảm nhận được hoàn cảnh sống khắc nghiệt và tinh thần lạc quan, ý chí khắc phục khó khăn của nhân vật

- Phương pháp: - Phát vấn, thảo luận nhóm, giảng bình.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HĐ CỦA HS	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p><b>Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác phẩm</b></p> <p><i>Phương pháp sử dụng: Phân tích, diễn giảng, đàm thoại, nêu vấn đề, ...</i></p>		<p><u><b>I. Đọc – tìm hiểu chung</b></u></p>
<p>- <b>Kiểm tra kết quả làm việc của các nhóm</b></p>	<p>- Các nhóm</p>	<p><b><i>1. Tác giả.</i></b></p>

<p><b>đã được giao.</b></p> <p><b>- Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm việc tại nhà:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhóm 1: Tìm hiểu về tác giả Đe-ni-on Đê-phô</li> <li>+ Nhóm 2: Tìm hiểu về tác phẩm “Rô-bin-xơn Cru-xô”</li> <li>+ Nhóm 3: Tìm hiểu về đoạn trích “Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang”</li> </ul> <p><b>=&gt; GV chốt những thông tin quan trọng về tác giả, tác phẩm.</b></p>	<p>báo cáo kết quả làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện trình bày.</li> <li>- Nghe, nhận xét, bổ sung.</li> <li>- Tự ghi bài</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đe-ni-on Đê-phô (1660-1731), là nhà văn nổi tiếng người Anh</li> </ul> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p>* Đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức biểu đạt: tự sự.</li> <li>- Ngôi kể: thứ nhất.</li> <li>- Đọc- chú thích</li> <li>- Bố cục: 4 phần</li> </ul>
<p><b>- Giới thiệu</b> hành trình cuộc đời của Rô-bin-xơn trong tác phẩm, nhấn mạnh đến vị trí đoạn trích và quãng thời gian 15 năm sống cô độc nơi hoang đảo.</p> <p><i>Em có nhận xét gì về hoàn cảnh mà Rô-bin-xơn đã trải qua?</i></p> <p><b>=&gt; GV chốt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà văn tách biệt nhân vật hoàn toàn với thế giới loài người, trong một khoảng thời gian dài -&gt; hoàn cảnh đặc biệt thử thách con người, từ đó gửi gắm thông điệp của nhà văn.</li> <li>- <b>Hoàn cảnh lạ</b>, hiếm gặp trong văn chương (Liên hệ tới nhà văn Hemingway và tác phẩm Ông già và biển cả).</li> </ul>	<p>Nghe</p> <p><i>Định hướng trả lời:</i></p> <p>Quãng thời gian quá dài, hoàn cảnh quá khắc nghiệt.</p>	
<p>GV chuyên ý</p> <p>Chân dung của Rô-bin-xơn được tạo dựng qua hình dung, tưởng tượng và qua miêu tả trực tiếp của Rô-bin-xơn.</p>		<p><b><u>II. Đọc – tìm hiểu chi tiết</u></b></p> <p><b>CHÂN DUNG RÔ-BIN-XON</b></p>
<p><i>Đọc đoạn đầu của văn bản và cho biết Rô-bin-xơn đã tự hình dung và tưởng tượng về bức chân dung của mình như thế nào?</i></p> <p>⇒ GV nhấn mạnh: Phần mở đầu đoạn trích đã giới thiệu ngắn gọn và ấn</p>	<p>Chia sẻ cá nhân.</p> <p>Nghe, góp ý bổ sung.</p>	<p><b>Rô-bin-xơn tự hình dung và tưởng tượng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình dung: người khác thấy mình sẽ: hoảng sợ hoặc phá lên cười.</li> </ul>

<p>tượng, bước đầu hé mở bức chân dung của Rô-bin-xơn.</p>		<p>- Tưởng tượng mình đi lang thang khắp miền quê.</p>
<p>GV dẫn dắt:          Chân dung của Rô-bin-xơn được tự họa qua phần trang phục, trang bị và diện mạo.          Tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo tinh thần tự tìm tòi phát hiện điểm mới lạ trong bức chân dung của nhân vật:  <i>Theo em, điểm đặc biệt trong trang phục, trang bị hoặc diện mạo của Rô-bin-xơn có gì đặc biệt so với các nhân vật khác em đã từng học?</i>          → Trên cơ sở HS được tự do trao đổi với nhau, GV tổ chức cho HS tìm hiểu về nhân vật Rô-bin-xơn trên 3 phương diện đã nêu.</p>	<p>Làm việc theo sự hướng dẫn của GV</p>	
<p>Gọi HS đọc đoạn văn miêu tả về trang phục của Rô-bin-xơn.  <i>Theo em, trang phục của Rô-bin-xơn có gì đặc biệt?</i>          ⇨ <b>Chốt:</b>          - <i>Trang phục Rô-bin-xơn lôi thôi, kì cục, đều được làm bằng da dê.</i>          - <i>Điểm đặc biệt: lệch chuẩn, gây cười song phù hợp với cuộc sống và tồn tại trên hoang đảo.</i>          - <i>Kể cho HS nghe về hành trình có những miếng da dê để may trang phục -&gt; khẳng định: Trang phục không đơn giản chỉ là quần, áo, mũ, ủng... mà đó còn là minh chứng cho bản lĩnh kiên cường và tinh thần sáng tạo của Rô-bin-xơn.</i></p>	<p>Suy nghĩ, trả lời          Chia sẻ cá nhân.          Nghe, góp ý bổ sung.</p>	<p><b>1. Trang phục</b>          - Lôi thôi, kì cục.          - Phù hợp với điều kiện sống          → Bản lĩnh, sáng tạo.</p>

<p>GV kể cho HS nghe về những trang bị mà Rô-bin-xon mang theo bên mình. Tổ chức thảo luận nhóm: <i>Những trang bị mà Rô-bin-xon mang theo bên mình đã hé mở cho em biết điều gì về cuộc sống trên hoang đảo và con người anh ấy?</i></p> <p>⇒ <b>Chốt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị của Rô-bin-xon rất công kênh và linh kỉnh.</li> <li>- Những trang bị trên giúp Rô-bin-xon bảo vệ mình khỏi thú dữ tấn công, thời tiết khắc nghiệt, thuận tiện cho việc sinh tồn trên đảo...</li> <li>- Ngay khi tàu bị đắm, và Rô-bin-xon trôi dạt vào hoang đảo, chàng đã không nản lòng mà ngay lập tức cố gắng vớt vát được những thứ còn đang lập lờ mặt nước → Rô-bin-xon không nghĩ đến cái chết, mà nghĩ đến việc <b>phải sống, đó là ý chí, là cái tinh khôn</b> trong suy nghĩ của Rô-bin-xon.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại diện trình bày.</li> <li>- Nghe, nhận xét, bổ sung.</li> </ul>	<p><b>2. Trang bị</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Linh kỉnh, công kênh.</li> <li>- Bảo vệ, lao động..</li> </ul> <p>→ Thích ứng, trí tuệ</p>
<p><i>Chuyên ý</i> <i>Vì sao khi miêu tả chân dung Rô-bin-xon, nhà văn chủ yếu tập trung nói về bộ ria mép? Từ đó em có nhận xét gì về tài năng của nhà văn trong việc miêu tả chân dung nhân vật?</i></p> <p>⇒ <b>Chốt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Diện mạo của Rô-bin-xon có vẻ kì dị, khác thường, được tập trung chủ yếu vào việc miêu tả làn da và bộ ria mép.</li> </ul>	<p>Suy nghĩ, trả lời Chia sẻ cá nhân. Nghe, góp ý bổ sung.</p>	<p><b>3. Diện mạo</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kì dị, khác thường.</li> </ul> <p>→ Niềm vui thích, nét văn hóa.</p>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dù tuyệt giao với loài người nhưng Rô-bin-xơn vẫn chú ý đến bộ ria, nó thể hiện sở thích niềm vui trong cuộc sống, bộ ria còn thể hiện được nét hóm hỉnh, hài hước, nét văn hóa của con người trong hoàn cảnh đặc biệt.</li> <li>- Tài năng của nhà văn: Tả chân dung nhưng không tập trung miêu tả mắt, mũi, miệng... thông thường mà tập trung miêu tả bộ ria -&gt; qua một chi tiết thấy được thần thái của nhân vật, thấy được cả nụ cười thấp thoáng của Rô-bin-xơn trong toàn truyện</li> </ul>		
<p><b>GV tổng hợp kiến thức về chân dung của Rô-bin-xơn.</b></p> <p><b>Qua phần tìm hiểu về trang phục, trang bị và diện mạo của Rô-bin-xơn, em có nhận xét gì về nhân vật này?</b></p> <p>⇒ <b>Bình chốt:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những chi tiết về trang phục, trang bị và diện mạo của Rô-bin-xơn đã cho ta thấy hoàn cảnh sống vô cùng khắc nghiệt và tinh thần lạc quan, bất chấp mọi khó khăn gian khổ của con người này.</li> <li>- Thông điệp của nhà văn: Hoàn cảnh bất thường tạo ra những chân dung khác thường và bản lĩnh phi thường.</li> <li>- Cuộc sống và tồn tại của Rô-bin-xơn trên đảo là bài ca về lao động, về khả năng kì diệu của con người nhờ niềm tin và tình yêu</li> </ul>	<p>Lắng nghe, cảm nhận</p>	

với cuộc sống...

### 3. Hoạt động tổng kết, củng cố (Thời gian 3 phút)

- Mục tiêu: Học sinh khái quát được toàn bộ nội dung bài học.
- Phương pháp: Phát vấn, giảng bình.

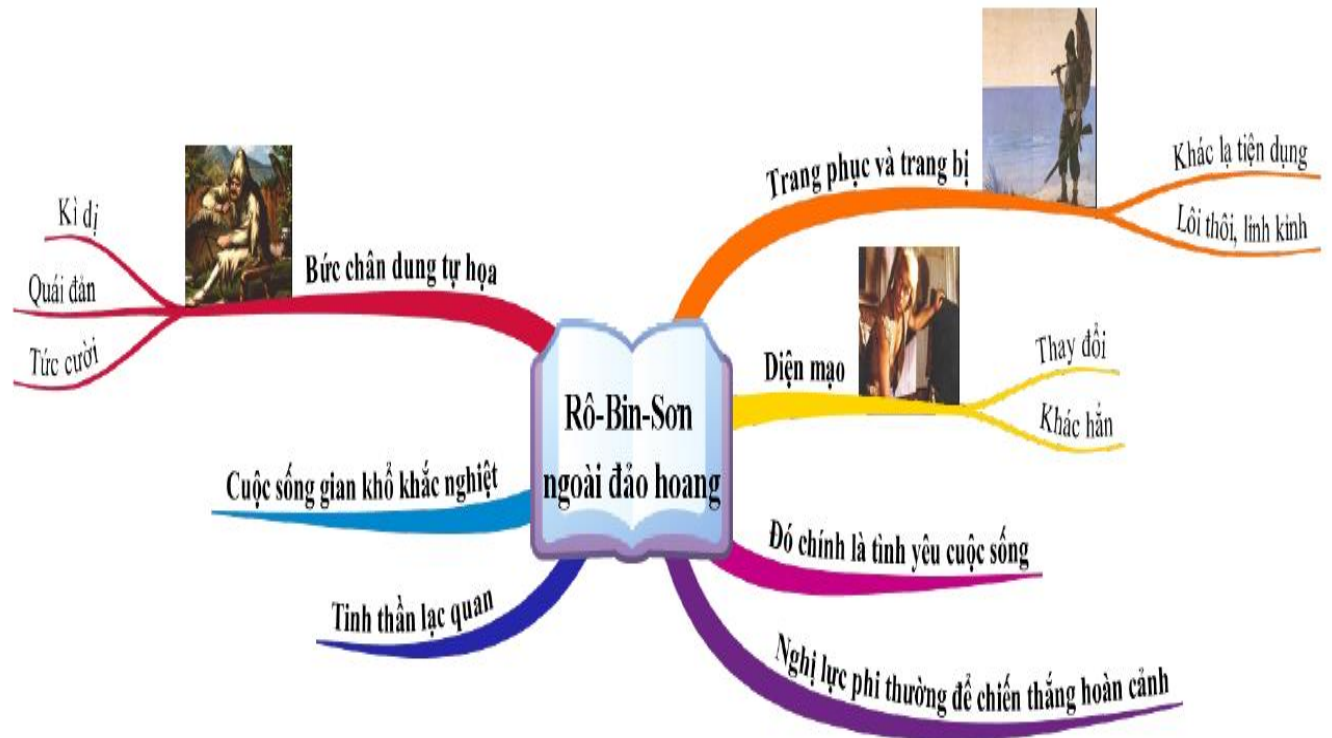
<b>HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN</b>	<b>HĐ CỦA HS</b>	<b>NỘI DUNG CẦN ĐẠT</b>
<p>Đoạn trích “Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang” có điểm sáng gì về nội dung và nghệ thuật?</p>	Suy nghĩ, trả lời	<p><b>III. Tổng kết</b></p> <p><b>1. Nghệ thuật</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Ngôi kể thứ nhất.</li><li>- Kể + tả tỉ mỉ, giọng điệu hài hước.</li></ul> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>Qua bức chân dung nhân vật ta thấy được cuộc sống vô cùng khó khăn, gian khổ và tinh thần lạc quan của Rô-bin-xơn.</p>
<p>Qua câu chuyện của Rô-bin-xơn, em rút ra được bài học gì cho mình?</p> <p>- <i>Chốt:</i> Nếu coi hình ảnh “đảo hoang” là một ẩn dụ, ngay trong cuộc sống hiện tại của mỗi chúng ta, ai cũng từng gặp phải những “đảo hoang” ấy, đó chính là những lúc ta tự cảm thấy đơn độc khi xung quanh không ai hiểu mình, đó là những lúc một mình ta phải đối diện, phải đương đầu với những khó khăn thử thách mà không ai có thể giúp đỡ ta được...những lúc như thế chúng ta cần mạnh mẽ, bình tĩnh, và luôn tin tưởng vào khả năng của mình. Mỗi chúng ta hãy nghĩ &amp; sống với ý chí, tinh thần của Rô-bin-xơn.</p>		

### Hoạt động 4: Hoạt động tiếp nối

#### \* Trình bày nội dung bài học bằng bản đồ tư duy?

Học sinh sẽ trình bày ý tưởng của mình bằng bản đồ tư duy.

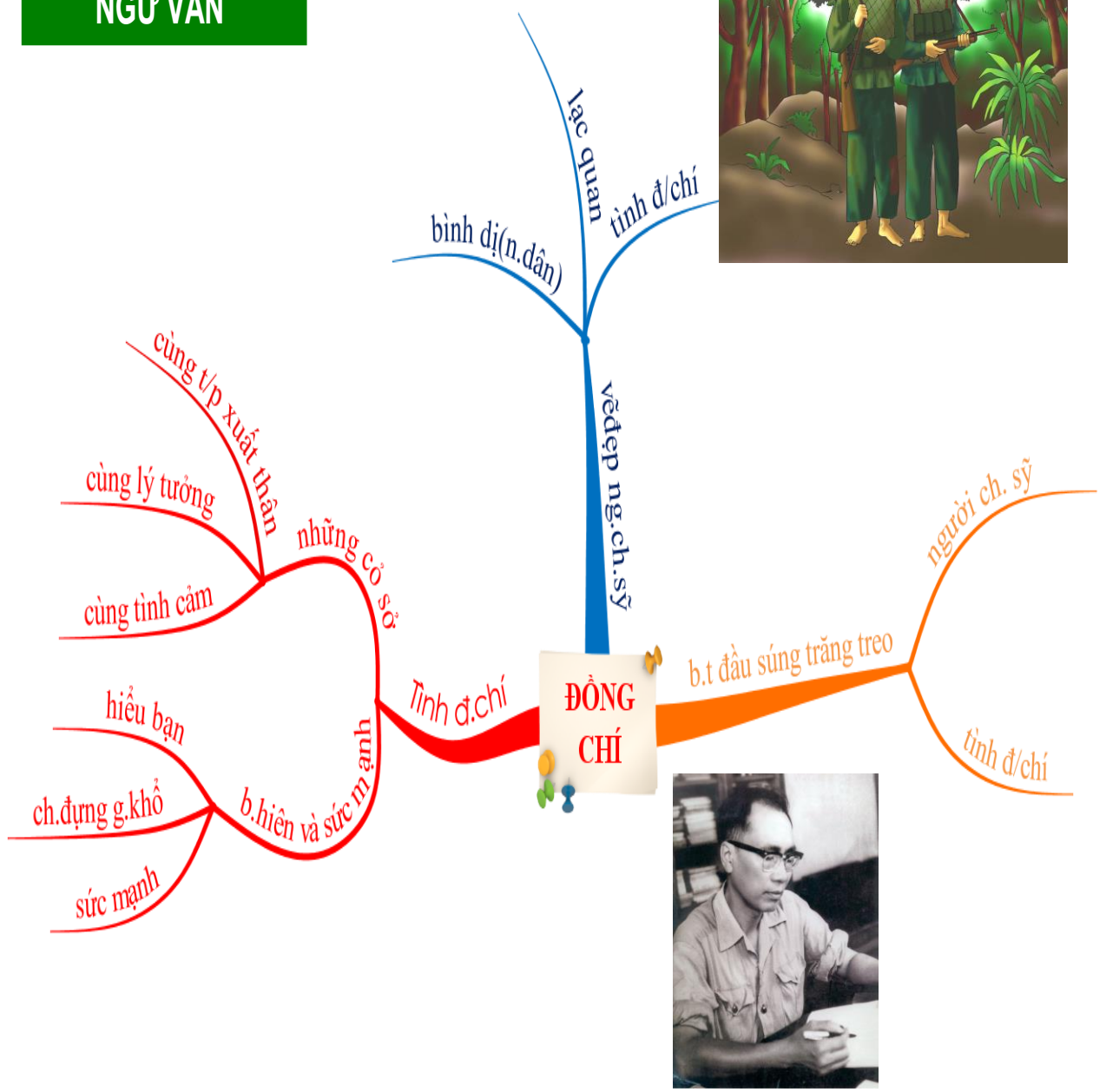
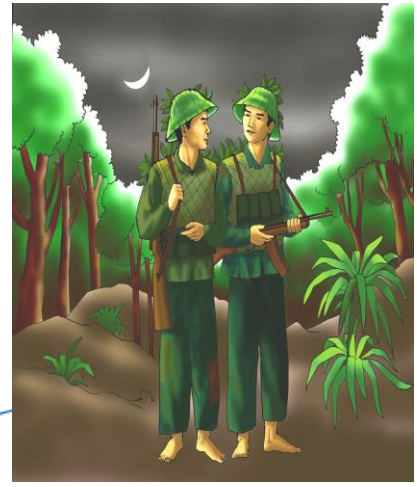
- Trên mọi chất liệu: giấy A3, A4, vở, bìa, bảng, học sinh vẽ, viết bằng phấn, bút màu...
- Các em thể hiện bằng nhiều hình vẽ ngộ nghĩnh khác nhau.
- Bắt đầu bằng từ chìa khoá: tên nhân vật “Rô-bin-xơn” học sinh sẽ lần lượt điền thêm các nhánh bức tranh tự họa, trang phục, trang bị...
- Sau đó giáo viên củng cố lại bài bằng cách đưa ra bản đồ tư duy được lập trên phần mềm để học sinh tham khảo.



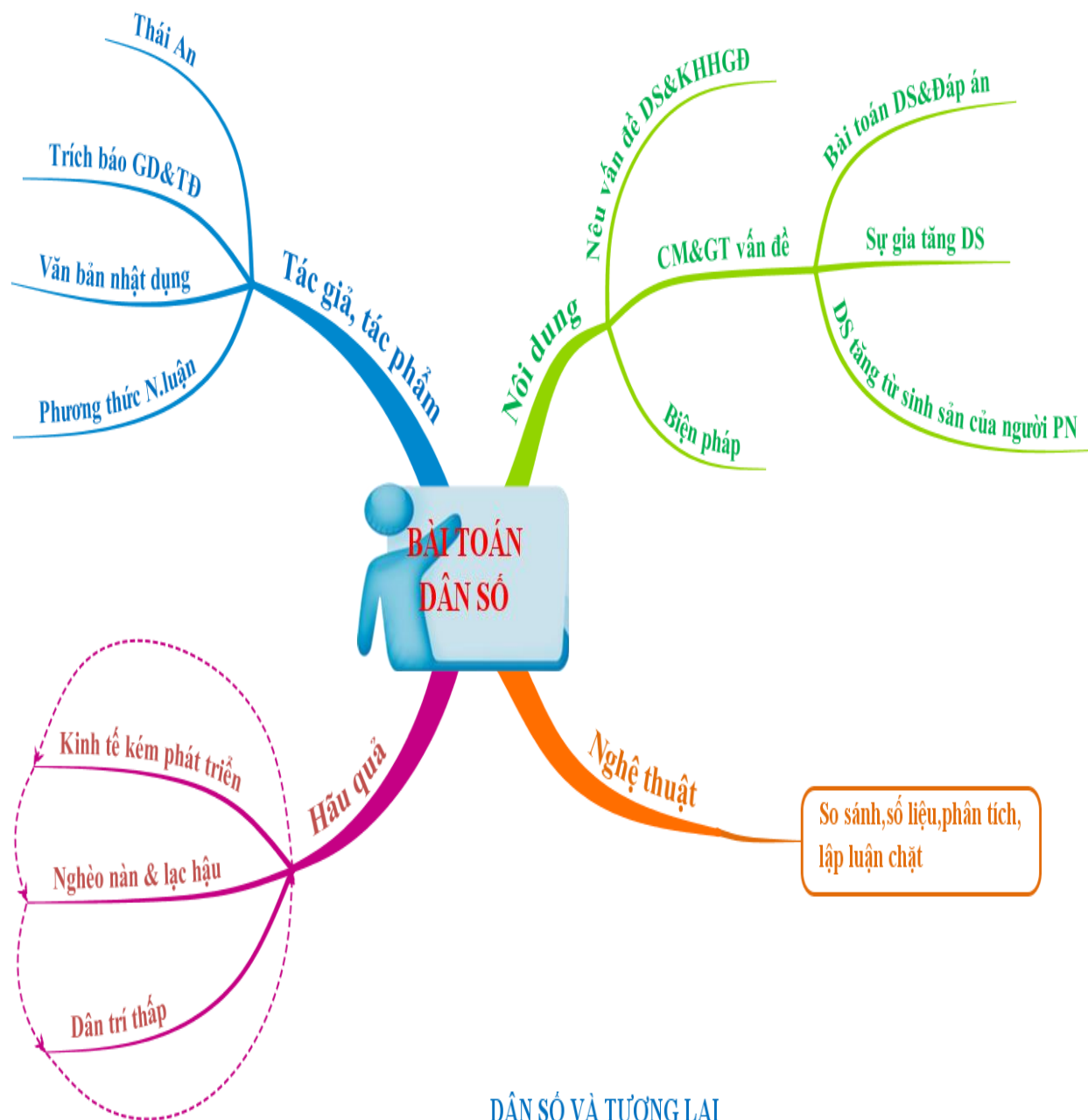
Như vậy, tương tự đối với các văn bản khác, học sinh rèn kỹ năng tự lập bản đồ tư duy sẽ giúp ghi nhớ kiến thức nhanh hơn, tư duy tốt hơn, không phải học vẹt, học gạo; nhất là với đối tượng học sinh lớp 9 phải ôn tập nhiều tác phẩm để tham gia kì thi vào 10.



**BẢN ĐỒ TƯ DUY  
NGŨ VĂN**

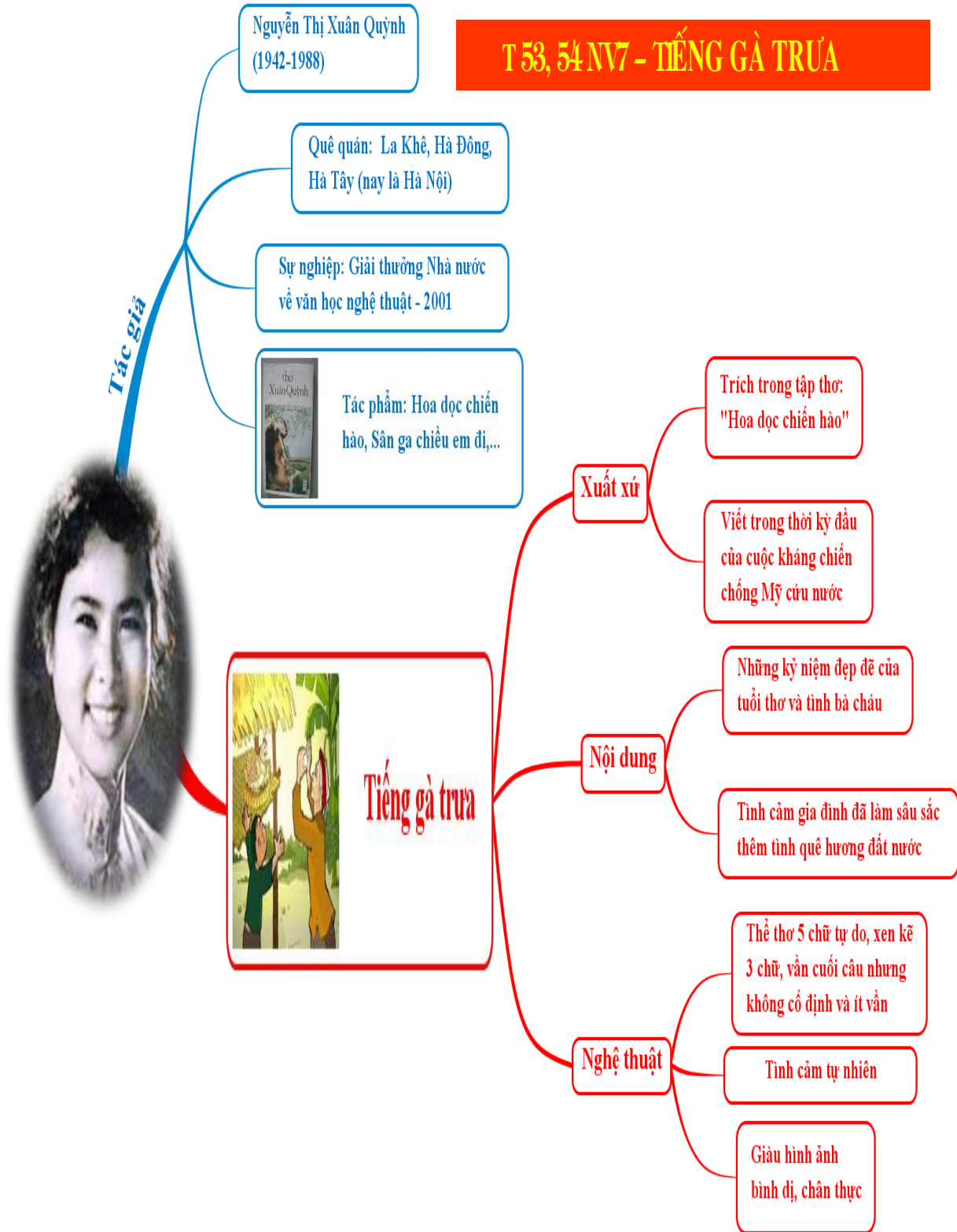


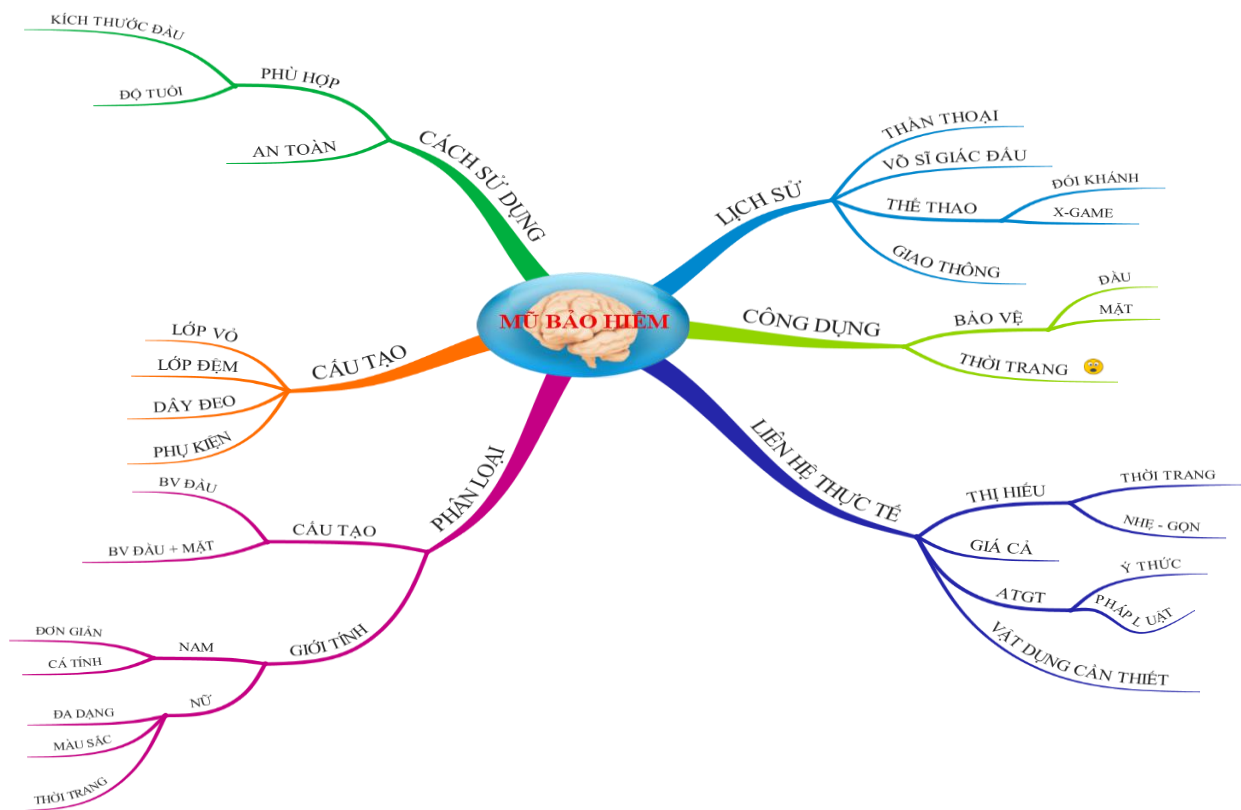
# BÀI TOÁN DÂN SỐ - NGỮ VĂN 8 ; TIẾT 49



DÂN SỐ VÀ TƯƠNG LAI  
DÂN TỘC, NHÂN LOẠI

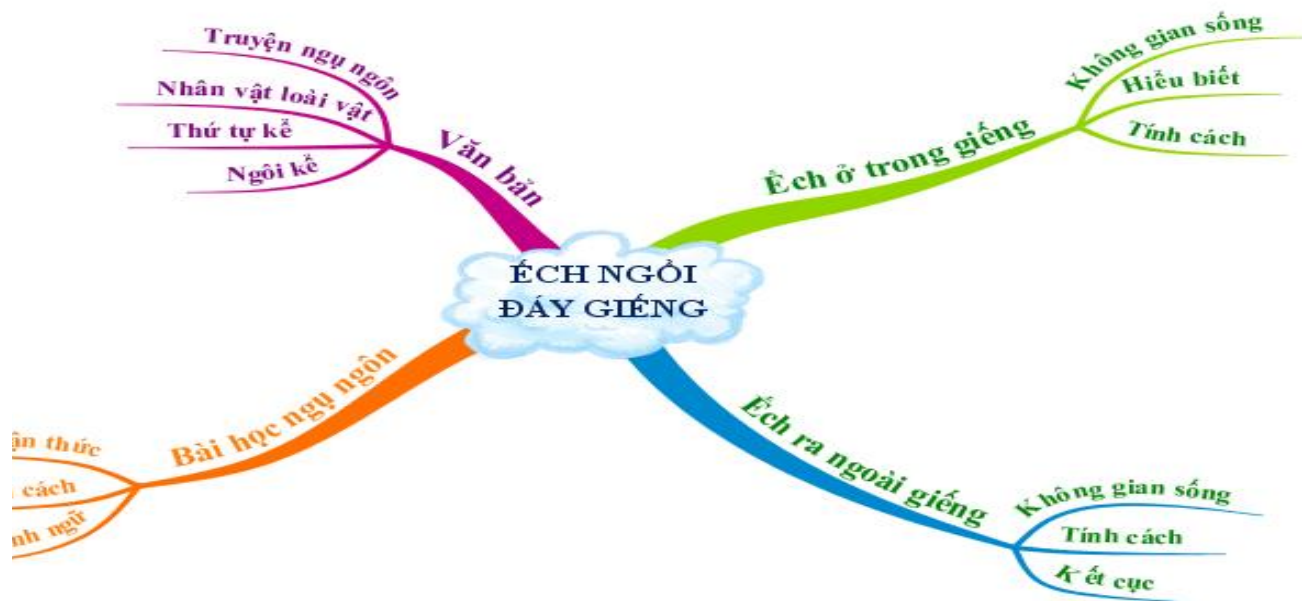
# T 53, 54 NV7 - TIẾNG GÀ TRƯA



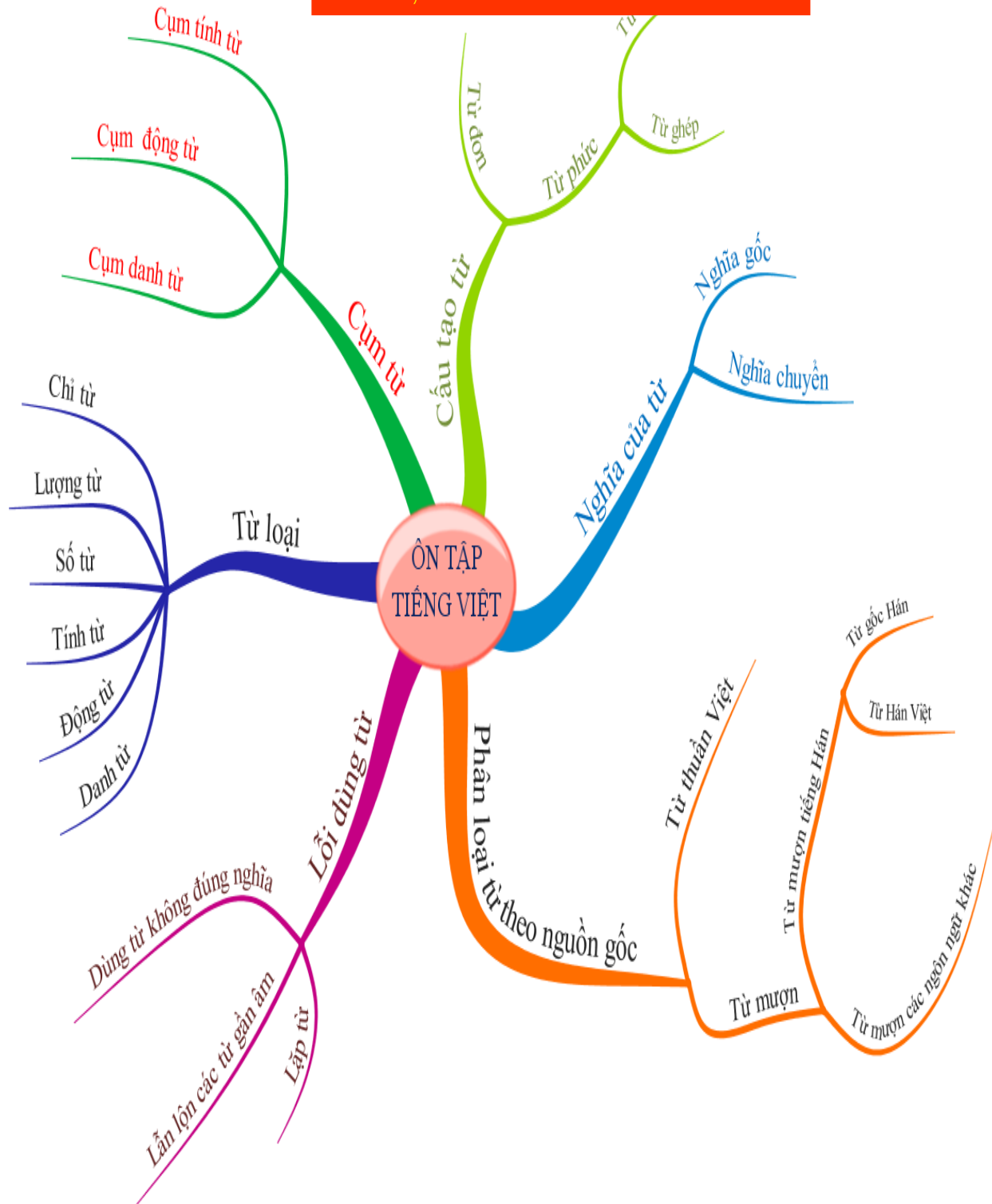


**Cách làm bài văn thuyết minh về một thứ đồ dùng (Ngữ văn 8)**  
**Thuyết minh về một thứ đồ dùng (Ngữ văn 8)**

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

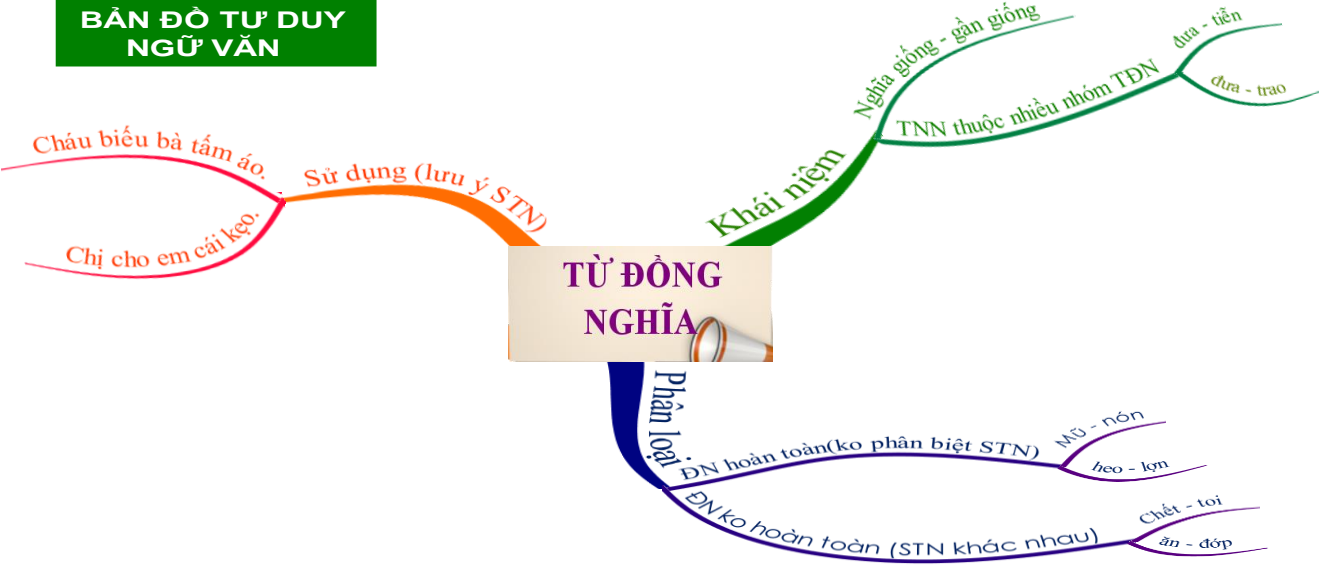


TIẾT 66, NV 6: ÔN TẬP TIẾNG VIỆT

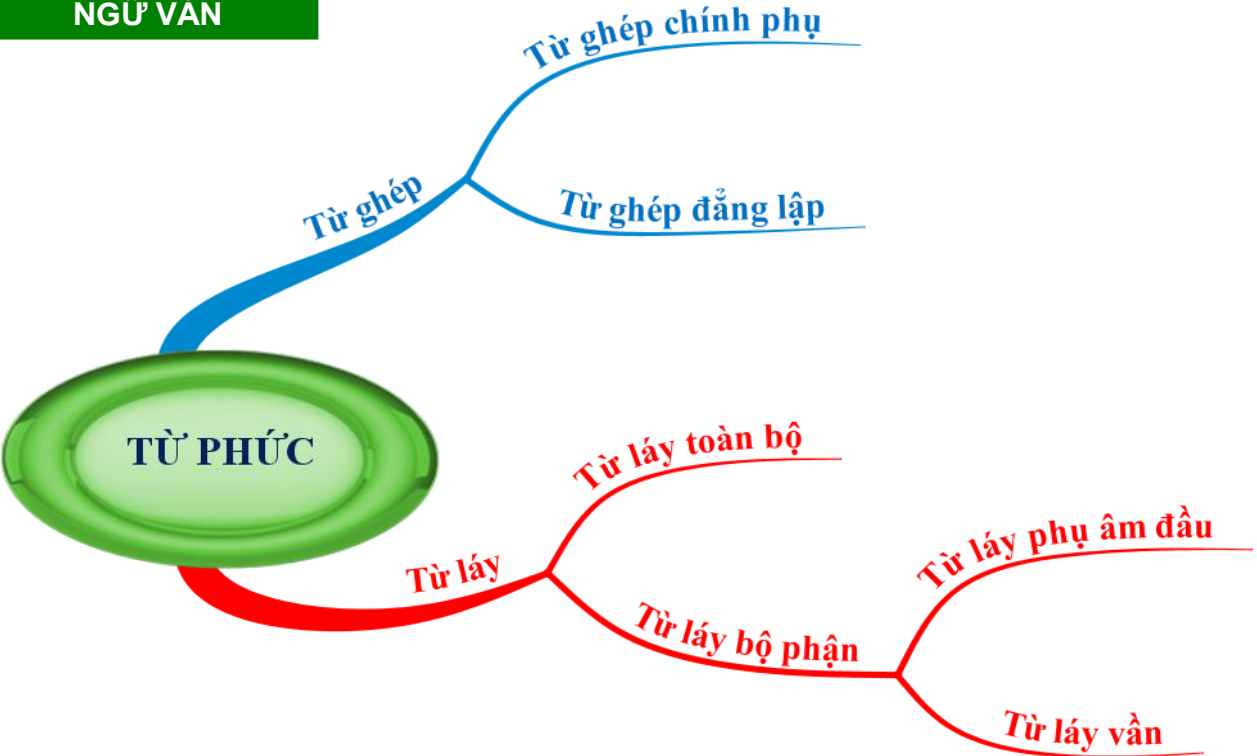


**Tiết 35 NV 7-TỪ ĐỒNG NGHĨA**

**BẢN ĐỒ TƯ DUY NGỮ VĂN**



**BẢN ĐỒ TƯ DUY NGỮ VĂN**



*Từ phức (Tiếng Việt)*

## 6 – KẾT QUẢ

Qua việc ứng dụng bản đồ tư duy vào dạy học Ngữ văn ở các khối, các em học sinh đều tỏ ra rất thích thú.

Sau mỗi lần HS nộp bản đồ, tôi đều chấm điểm và cho cả lớp xem bài của từng em, đồng thời để các em nhận xét bài của nhau. Tôi tâm đắc: Ở **bản đồ tư duy**, các em được thể hiện mình, được vẽ, viết, sáng tạo theo cách nghĩ của mình - thể mới phù hợp với tâm lý học sinh.

Mặc dù khi sắp xếp, các em chưa sắp xếp theo hệ thống kiến thức yêu cầu, cần có sự góp ý của bạn, nhưng tôi nhận thấy các em rất hứng thú khi được học. Và, tôi khuyến khích, gợi mở, hướng dẫn các em đúng sơ đồ chuẩn. Bên cạnh đó, tôi cũng phát hiện ở các em có nhiều sáng tạo rất hay trong củng cố ôn bài .

Qua nhiều bài học nội dung củng cố bài như cách thực hiện ở trên, tôi nhận thấy các em nhớ bài nhanh hơn, từng bước xây dựng được kỹ năng diễn giải. Vì vậy, việc củng cố bài học đối với học sinh đã hoàn thành sơ đồ tóm tắt, tôi thường dành vài phút để phân tích nhằm khắc sâu kiến thức qua các từ khóa của sơ đồ, cũng như hướng dẫn các em kết nối các từ khóa đó. Bởi, mục đích cuối cùng của tôi là giúp các em có thể liên kết các bài có kiến thức liên quan được hệ thống thành một Sơ đồ tư duy hoàn hảo.

Kết quả và thành tích học tập cao hơn:

- + Kiến thức của HS sẽ giảm bớt tính chủ quan, phiến diện, làm tăng tính khách quan khoa học.
- + Kiến thức trở nên sâu sắc, bền vững dễ nhớ và nhớ nhanh hơn do được giao lưu học hỏi giữa các thành viên trong lớp.
- + Không khí lớp học vui tươi giúp HS thoải mái, tự tin hơn trong việc trình bày ý kiến của mình và biết lắng nghe ý kiến của những thành viên khác.

Qua việc áp dụng phương pháp sử dụng bản đồ tư duy vào dạy học môn Ngữ văn để thử nghiệm tôi đã thu được kết quả khả quan. Học sinh các lớp tôi phụ trách hào hứng hơn, tự tin hơn, nhớ bài nhanh và sâu, yêu thích môn học và kết quả cao hơn.

### **C. KẾT LUẬN**

Qua quá trình nghiên cứu, tôi nhận thấy **bản đồ tư duy** là phương tiện dạy học Ngữ văn hiệu quả. Điều này được chứng minh bằng việc đưa phương tiện dạy học bản đồ tư duy vào hệ thống dạy học, xem xét mối quan hệ biện chứng giữa nó với các yếu tố khác trong hệ thống. Và đánh giá những tác động tích cực của phương tiện dạy học này đối với các yếu tố trong hệ thống dạy học và góp phần nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy học. Trên cơ sở tổng hợp, hệ thống hóa lý thuyết, trình bày những kết quả nghiên cứu về tính khả thi của việc sử dụng bản đồ tư duy trong dạy học Ngữ văn một phương tiện dạy học đặt trong hệ thống dạy học, trong mối quan hệ với các yếu tố dạy học khác, đồng thời nghiên cứu việc sử dụng bản đồ tư duy trong hoạt động học tập của học sinh, chúng tôi đã thu thập được những kết quả khả quan. Những ưu điểm, tính năng của bản đồ tư duy không chỉ đáp ứng được những yêu cầu của việc dạy học Ngữ Văn, mà còn là một công cụ kích thích khả năng phát hiện, sự sáng tạo không ngừng của học sinh, kích thích hứng thú và động lực khám phá sâu các khía cạnh của nội dung bài học. Đồng thời giúp giáo viên thực hiện tốt vai trò định hướng, tổ chức hoạt động dạy học của mình, tạo điều kiện cho học sinh làm chủ quá trình học tập và sáng tạo không ngừng.

Muốn thực hiện được tốt việc đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường phổ thông hiện nay, đòi hỏi người giáo viên ngoài năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm thì phải có ý thức trách nhiệm cao, phải có cái tâm với nghề. Bởi lẽ phương pháp dù hay đến mấy nhưng người thầy không có trách nhiệm cao, không tâm huyết với nghề và yêu thương học sinh hết mực thì cũng không mang lại kết quả như mong muốn.



## **D. ĐỀ NGHỊ**

Với kinh nghiệm này tôi đã nghiên cứu, vận dụng và thấy kết quả tương đối khả quan. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện đề tài chỉ với tư cách cá nhân và chỉ có sự đóng góp tham khảo ý kiến của bạn bè, đồng nghiệp trong trường nên chắc chắn vẫn còn nhiều khiếm khuyết. Tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ, xây dựng của các đồng nghiệp và các cấp lãnh đạo để thêm hoàn thiện, có hiệu quả, nâng cao chất lượng dạy học Ngữ văn góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới phương pháp dạy học, hưởng ứng phong trào “***xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực***”

Kính đề nghị ngành Giáo dục thường xuyên tổ chức những buổi hội thảo, chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn, để giáo viên có thể tiếp cận thêm những phương pháp dạy học mới có hiệu quả hơn.

***Xin chân thành cảm ơn!***

## ***TÀI LIỆU THAM KHẢO***

- 1. Tony Buzan- Bản đồ tư duy trong công việc( NXB Lao động- Xã hội)***
- 2. Đặng Thị Thu Thủy- Cách sử dụng phần mềm bản đồ tư duy. (tạp chí thiết bị GD số 51/2009)***
- 3. Trần Đình Châu- Đặng Thị Thu Thủy: Tổ chức hoạt động dạy học với bản đồ tư duy. (Báo GD Thời đại )***